

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 09 tháng 09, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



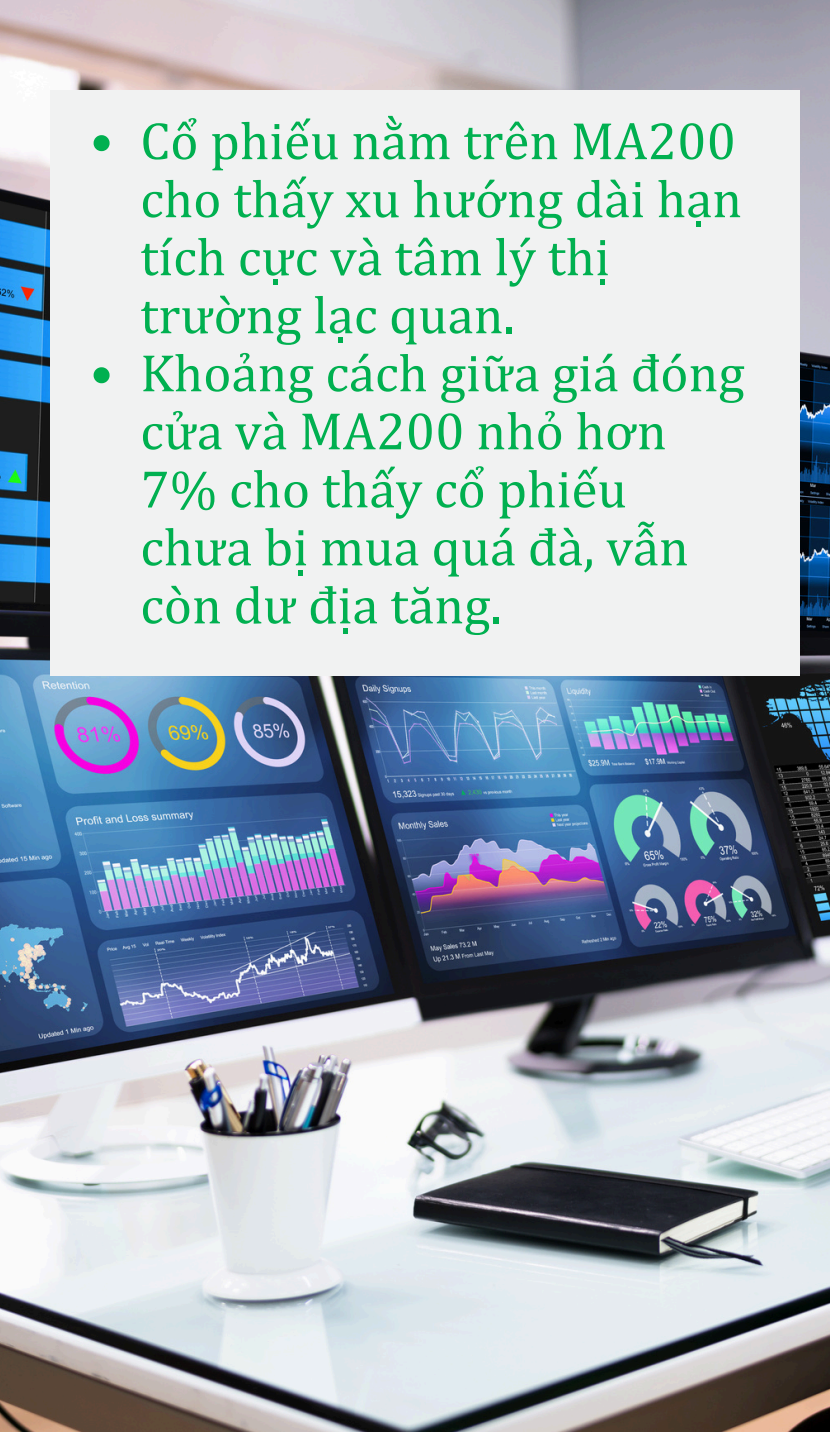
- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	SMC	08/09/2025	13.35	2.391.600	583.260	4.1
2	BIC	08/09/2025	50.6	1.025.900	396.457	2.59
3	NKG	08/09/2025	18.15	43.300.100	22.476.326	1.93
4	TCH	08/09/2025	21.45	20.227.200	12.124.080	1.67
5	HPG	08/09/2025	28.9	141.768.192	90.944.528	1.56
6	TVC	08/09/2025	11.2	1.202.000	777.287	1.55
7	HSG	08/09/2025	20	22.153.100	14.434.477	1.53
8	VEA	08/09/2025	39.3	1.099.700	723.417	1.52
9	ORS	08/09/2025	15.5	16.329.900	11.263.210	1.45
10	PDR	08/09/2025	23.4	46.814.800	32.632.120	1.43
11	HCM	08/09/2025	27.5	29.747.100	21.140.316	1.41
12	BMI	08/09/2025	21.65	1.022.300	729.847	1.4
13	DRC	08/09/2025	16.65	1.170.300	855.600	1.37
14	IVS	08/09/2025	10.6	1.367.200	1.014.437	1.35
15	KBC	08/09/2025	39	15.707.500	11.736.967	1.34
16	HAG	08/09/2025	15.35	28.350.300	21.313.620	1.33
17	MBB	08/09/2025	26.7	62.869.000	47.515.356	1.32
18	NAB	08/09/2025	15.5	3.876.600	2.951.810	1.31
19	IPA	08/09/2025	20.9	1.727.400	1.319.450	1.31
20	VND	08/09/2025	24.05	63.977.600	49.241.144	1.3
21	HDC	08/09/2025	33.6	10.388.200	8.014.540	1.3
22	DXG	08/09/2025	22.55	38.861.800	30.066.314	1.29
23	AGR	08/09/2025	18.1	4.127.300	3.189.453	1.29
24	VGS	08/09/2025	30.7	2.757.600	2.136.197	1.29
25	LCG	08/09/2025	11.9	9.901.600	7.851.824	1.26
26	AAS	08/09/2025	15.9	2991000	2367437	1.26
27	VCI	08/09/2025	43.05	21510500	17351686	1.24
28	VDS	08/09/2025	22.09	8124200	6566384	1.24
29	EVG	08/09/2025	11.75	6494700	5282060	1.23



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAA	08/09/2025	8	2.651.440	45.04	7.83	2.21	0.11	0.02
2	ASM	08/09/2025	8.19	1.413.450	46.83	7.89	3.84	0.11	-0.04
3	BID	08/09/2025	40.65	11.757.830	47.82	38.33	6.05	0.61	-0.2
4	BMI	08/09/2025	21.65	679.200	49.21	20.74	4.37	0.1	0.11
5	BVS	08/09/2025	38.2	847.010	44.2	35.8	6.69	0.66	-0.29
6	DGW	08/09/2025	41.3	2.458.910	42.05	39.25	5.22	0.01	-0.19
7	DL1	08/09/2025	6.8	1.016.240	46.62	6.6	3.04	-0.25	0.29
8	DVM	08/09/2025	7.9	732.430	56.41	7.56	4.55	0.15	0.09
9	GAS	08/09/2025	62.6	1.069.920	37.42	62.55	0.08	0.16	-0.14
10	GIL	08/09/2025	19.35	1.492.540	47.61	18.34	5.51	0.19	0.15
11	IDC	08/09/2025	42.4	2.242.140	47.94	41.85	1.31	0.91	-1.05
12	IVS	08/09/2025	10.6	1.257.520	49.01	9.98	6.21	0.17	0
13	KSB	08/09/2025	19.1	2.637.680	51.14	18.01	6.07	0.25	0.11
14	PVD	08/09/2025	22.2	7.235.410	54.76	21.62	2.66	0.4	-0.65
15	PVS	08/09/2025	33.7	5.480.790	43.74	32.34	4.19	0.3	-0.63
16	SSB	08/09/2025	19.95	3.293.840	44.09	18.81	6.07	0.14	0.32
17	TDC	08/09/2025	12.25	1.228.030	42.91	11.63	5.03	0.08	0.31
18	VNM	08/09/2025	60.6	4.753.900	50.28	58.9	2.88	0.4	0.12
19	VPI	08/09/2025	57.5	2.735.690	58.02	55.67	3.28	0.78	-0.62
20	YEG	08/09/2025	13.8	3.522.970	45.13	13.6	1.48	0.1	0.41
21	VNM	29/08/2025	60.3	4.840.160	49.69	58.92	2.34	0.48	-0.03
22	VPI	29/08/2025	57	2.486.320	58.58	55.67	2.38	0.64	-0.79
23	YEG	29/08/2025	14.1	4.678.730	48.39	13.52	4.27	0.18	0.46

Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BMP	152.6	155	200.120
2	C69	11.2	11.5	623290
3	DHC	34	35	431.660
4	EVG	11.75	12.15	4.155.410
5	HSL	15.9	16.6	940090
6	L40	45.8	45.8	401.700
7	NKG	18.15	18.95	20.068.450
8	TL4	10.5	11.6	294.840

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BMP	152.6	155	200.120
2	C69	11.2	11.5	623290
3	DHC	34	35	431.660
4	EVG	11.75	12.15	4.155.410
5	HSL	15.9	16.6	940090
6	L40	45.8	45.8	401.700
7	NKG	18.15	18.95	20.068.450
8	TL4	10.5	11.6	294.840

Phá đáy 1 năm

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới



Cắt lên đường trung bình MA200

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	SMC	13.35	12.59	560.940

Cắt lên đường trung bình MA50

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn

Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	AAH	4.1	4.12	1.574.550
2	FTS	37.5	38.73	4.176.750
3	MST	5.6	5.83	3747670
4	NHA	22.55	22.71	1.171.590
5	PNJ	84.8	86.6	812.240
6	TIG	9.4	10.11	3.680.820
7	TNG	19.8	20.74	1.240.230
8	VOS	14.09	15.23	2.323.380

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	MSB	13.85	14.62	36.365.248
2	NVL	16.2	16.73	21.679.870
3	EIB	26.75	26.77	19682560
4	EVF	13.15	13.24	16.270.910
5	HHS	16.5	16.94	8.204.480
6	PVS	33.7	34.28	5.480.790
7	VFS	19.2	19.4	3.599.340
8	PVT	17.9	18.21	3.460.330
9	SSB	19.95	20.06	3293840
10	PET	30.3	30.84	2662700
11	VOS	14.9	15.28	2323380

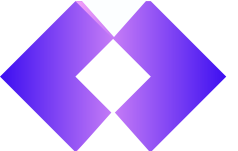
Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	SHB	17.25	17.84	118.830.432
2	VPB	31.2	33.05	52.082.192
3	MBB	26.7	26.93	50091140
4	TPB	19.35	20.39	49.641.480
5	VND	24.05	24.35	47.389.592
7	SHS	25.3	26.01	38242712
8	MSB	13.85	16.62	36365248
9	CII	21.6	22.99	35010440
10	PDR	23.4	24.31	34789720
11	TCB	38	38.84	28634760
12	VIB	21	21.57	25774940
13	ACB	26.55	26.82	23530870
14	CEO	23.7	25.44	22609950
15	HAG	15.35	16.39	21710830
16	HCM	27.5	28.2	19993890
17	HDB	30.9	31.38	18915480
18	POW	15.2	16.11	17802690
14	BSR	25.45	25.98	17447300
15	HHV	14.75	14.98	15058970
16	VCI	43.05	45.68	14113180
17	OCB	13	13.46	14094730
18	CTG	49.5	49.95	13415130



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	QNS	08/09/2025	47.3	45.97	49.1	6.8	155.860
2	QTP	08/09/2025	13.4	13	13.9	6.9	475.640
3	VEA	08/09/2025	39.3	37.9	40.9	7.9	860.240
4	SJD	08/09/2025	15.65	14.5	15.8	9	123.680
5	SAB	08/09/2025	46.8	45.45	50	10	894.300
6	PPC	08/09/2025	10.85	10.75	11.85	10.2	592.860
7	TNH	08/09/2025	15.75	15.6	17.2	10.3	439.540
8	SBG	08/09/2025	12.6	11.75	13.5	11.1	152.040
9	BWE	08/09/2025	47	46.7	51.9	11.1	146.580
10	PVP	08/09/2025	15.1	14.75	16.4	11.2	138.740
11	REE	08/09/2025	66.8	63.9	71.2	11.4	1.393.240
12	SCS	08/09/2025	60	59.53	66.3	11.4	338.780
13	SVT	08/09/2025	13.5	12.35	13.8	11.7	120.680
14	IMP	08/09/2025	55.4	50.2	56.5	12.5	144.480
15	VLC	08/09/2025	15.1	14.9	16.9	13.4	127.560
16	ABI	08/09/2025	30.6	27.9	31.8	14	309.320
17	PVT	08/09/2025	17.9	17.09	19.6	14.7	3.719.520
18	CTF	08/09/2025	20.45	20.45	23.45	14.7	345.840
19	FMC	08/09/2025	37.65	35.1	40.3	14.8	102.640



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường
Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông
Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại: 0237 3515 009